

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 403/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 04/12/2024.

"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh

Bà Dương Thị Kim Hồng

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Lê Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 500/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 485/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 312/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Phương T**, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng của nguyên đơn: chị Vũ Thị C, sinh năm 1990; Địa chỉ: KDC T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh **Đông Văn T1**, sinh năm 1990;

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Phương T, trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đông Văn T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương

vào ngày 24/10/2023. Sau khi kết hôn, chị và anh T1 chung sống với nhau đến khoảng tháng 4 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân là do chị và anh T1 không hòa hợp được với nhau về quan điểm trong cuộc sống, tình cảm. Sau đó chị đã chuyển về nhà bố mẹ để sinh sống và ly thân với anh T1 từ thời điểm đó đến nay. Đến khoảng tháng 8 năm 2024 thì anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nhưng do mâu thuẫn nên vợ chồng chị không còn liên lạc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có con chung là Đồng Gia H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2024. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T1 không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai của anh Đồng Đức T2 (em trai anh Đồng Văn T1) thể hiện: Hiện nay anh T1 đang lao động ở Hàn Quốc và vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Các văn bản tố tụng của Tòa án anh T2 đã thông báo cho anh T1 biết, anh T1 không gửi quan điểm thể hiện bằng văn bản nhưng trao đổi qua điện thoại, anh T1 có quan điểm đồng ý ly hôn. Về con chung anh T1 đồng ý giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đồng Gia H, sinh ngày 21/10/2024. Tài sản chung không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh T1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Tại biên bản xác minh tại địa phương thể hiện: Chị T và anh T1 kết hôn hợp pháp và có đăng ký tại địa phương. Sau khi kết hôn chị T và anh T1 sinh sống tại gia đình anh T1. Do không hòa hợp trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Nay chị T có đơn ly hôn anh T1, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh T1 vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: Xử cho chị Nguyễn Phương T được ly hôn anh Đồng Văn T1; Về con chung: Đề nghị giao con chung Đồng Gia H, sinh ngày 21 tháng 10 năm 2024 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng do con chung dưới 36 tháng tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Phương T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh Đồng Văn T1. Anh T1 hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Chị T vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Anh T1 liên lạc thông qua người thân trong gia đình, anh có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T1.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương T và anh Đồng Văn T1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 24/10/2023 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị và anh T1 chung sống với nhau đến khoảng tháng 4 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị và anh T1 không hòa hợp được với nhau về quan điểm trong cuộc sống, tình cảm. Sau đó chị đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và ly thân với anh T1 từ thời điểm đó đến nay. Đến khoảng tháng 8 năm 2024 thì anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc và vợ chồng không ai quan tâm đến ai. HĐXX xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T1 không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được và được chứng minh bởi lời khai của các đương sự, quan điểm của gia đình, địa phương, nên có căn cứ giải quyết cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp với Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị T, anh T1 có 01 con chung là Đồng Gia H, sinh ngày 21/10/2024. Do con chung còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên HĐXX giao cho do chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung là phù hợp. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng cho con. Như vậy là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh T1 không có nên không đề nghị giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82, và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147,

khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị **Nguyễn Phương T** ly hôn với anh **Đồng Văn T1**.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Phương T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Đồng Gia H, sinh ngày 21/10/2024. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Phương T không yêu cầu anh Đồng Văn T1 phải cấp dưỡng cho con.

Anh Đồng Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Phương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005186 ngày 04/10/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Phương T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, anh Đồng Văn T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Kim Tân, huyện Kim Thành
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân